

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THẾ GIỚI MỞ

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THẾ GIỚI MỞ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OPEN WORLD DEVELOPMENT SERVICE AND INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: OWC ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107328900

**3. Ngày thành lập:** 18/02/2016

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 595, đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                        | 8230     |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.<br>+ Tư vấn du học;                 | 8560     |
| 3.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                    | 9610     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                               | 4652     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm | 6209     |
| 6.  | Quảng cáo                                                                                                                                        | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8559        |
| 8.  | <p>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;</li> <li>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4772        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632        |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311        |
| 11. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791        |
| 12. | Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9700        |
| 13. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;</li> <li>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...;</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn dao, kéo;</li> <li>- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;</li> <li>- Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;</li> <li>- Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.</li> </ul> | 4649(Chính) |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741        |
| 15. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 17. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9511        |

|     |                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;                                       | 7810 |
| 19. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                   | 7820 |
| 20. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                   | 9631 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ chuyên giao công nghệ;<br>- Ủy thác mua bán hàng hóa;<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý;<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;                                                                                                                          | 4610 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;                          | 4659 |
| 24. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                            | 5820 |
| 25. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                           | 7830 |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                          | 4651 |
| 27. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                             | 6329 |
| 28. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                               | 6312 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TIỀN DŨNG  | Số 595, đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.620     | 1.062.000.000         | 59,000    | 001089002033                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                        | Tổng số           | 10.620     | 1.062.000.000         | 59,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN PHƯƠNG ANH | Số 595, đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 180        | 18.000.000            | 1,000     | 001186002214                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                        | Tổng số           | 180        | 18.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ THÀNH LONG     | Số 252, đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 7.200      | 720.000.000           | 40,000    | 012739228                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                        | Tổng số           | 7.200      | 720.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/11/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001089002033*

Ngày cấp: *18/07/2014*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 595, đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 595, đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*